

Số: 23/2022/QĐST-DS

Thành phố B, ngày 08 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 74/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A;**

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp A, đường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Đỗ Ngọc B - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP A Chi nhánh B.

Người đại theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Phương H - Chức vụ: Phó trưởng phòng - Phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP A Chi nhánh B.

- Bị đơn:

1. Ông **Trần N**, sinh năm 1959; HKTT: số H đường T, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú: số A Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bà **Huỳnh Bích T**, sinh năm 1959; HKTT: HKTT: số H đường T, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà Huỳnh Bích T ủy quyền cho ông Trần N tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2022).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trần N và bà Huỳnh Bích T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 29/6/2022 là 9.347.378.712 (chín tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, bảy trăm mười hai) đồng, trong đó dư nợ gốc là 9.128.000.000 (chín tỷ, một trăm hai mươi tám triệu) đồng, dư nợ lãi: 148.520.712 (một trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm hai mươi nghìn, bảy trăm mười hai) đồng, phí phạt chậm trả lãi 70.858.000 (bảy mươi triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn) đồng, theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số A ngày 29/5/2020 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số B (lập ngày 26/10/2020) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A Chi nhánh B với ông Trần N và bà Huỳnh Bích T.

Kể từ ngày 30/6/2022, ông Trần N và bà Huỳnh Bích T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP A thì lãi suất mà ông Trần N và bà Huỳnh Bích T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A.

2.2. Trường hợp ông Trần N và bà Huỳnh Bích T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa X tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo hợp đồng thế chấp bất động sản số C và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số D (lập ngày 26/10/2020) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A Chi nhánh B với ông Trần N.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa Y tại đường T, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp bất động sản số E và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số F (lập ngày 14/8/2020) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A Chi nhánh B với ông Trần N và bà Huỳnh Bích T.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần N và bà Huỳnh Bích T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng TMCP A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 69.023.000 (sáu mươi chín triệu, không trăm hai mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số S ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (3b) ;
- VKSND thành phố B (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu HSVA, VP (4b).

THẨM PHÁN

(đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như